

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2019/HS-PT

Ngày 15 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thế Phương;

Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 202/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Q; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 241/2019/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Ngọc Q (tên gọi khác: Qu), sinh năm 1993 tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: Khu phố R, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi đã cư trú: Khu phố Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị N; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 348/2019/LCĐKNCT ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có 02 bị cáo khác không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Khoảng 17 giờ ngày 03/12/2017, Nguyễn Văn Qu cùng với ông M và ông Th uống rượu với nhau tại nhà Số B4, Khu phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Các bên lời qua tiếng lại, dẫn đến ông Th cãi nhau với Qu và ông M. Sau đó, ông Th bỏ về nhà, lấy 01 (một) chiếc kéo dài khoảng 20cm, rồi quay lại hăm dọa đâm Qu với ông M. Thấy vậy, ông M gọi điện thoại cho Bùi Trần Minh S (con trai ông M), nói cho S biết việc đang bị người khác dọa đánh và kêu S đến để đưa ông M về. Lúc này, S đang ở xa, nên S gọi điện thoại nói lại cho Nguyễn Ngọc Q biết, nhờ Q đến đưa ông M về và Q đồng ý. Vụ việc uống rượu cãi nhau nêu trên được mọi người can ngăn nên ông Th bỏ đi về, còn Qu đạp xe đi mua thuốc lá.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, S về nhà lấy 01 (một) dao tự chế bằng sắt, dài khoảng 01m (lưỡi dao dài khoảng 40-50cm, rộng khoảng 05cm); S điều khiển xe mô tô biển số 60V7-23XX đến chỗ ông M để tìm đánh người đòi đâm ông M. Trên đường đi, S gặp và rủ T (không rõ nhân thân, lai lịch) cùng đi; S rủ thêm anh Nguyễn Đình T1 (M), đến chờ ông M về; anh T1 đồng ý rồi điều khiển xe mô tô biển số 60F1-208.XX chạy theo S và T. Sau đó, anh T1 gặp và rủ thêm anh B (không rõ nhân thân, lai lịch) cùng đi.

Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, khi thấy ông M ra về đến đoạn đầu hẻm (cách nhà số B4, khu phố T, phường T khoảng 150m), thì Q điều khiển xe mô tô biển số 60N8-86XX đi đến trước, T và S chờ nhau bằng xe mô tô biển số 60V7-23XX đi đến gặp ông M. Ông M cho biết không bị đánh, còn người đòi đánh ông M ở bên trong hẻm. S, T và Q đi vào trong hẻm gặp bà Đinh Đức H (kế bên nhà Số B4), S hỏi: “Ai đòi đánh bố cháu?”, bà H nói: “Mấy ông già uống rượu cãi nhau, đòi đánh nhau, đã đuổi mấy ông về hết rồi”. Nhóm S định bỏ đi, thì Qu đi mua thuốc lá về; thấy nhóm S đến, nên Qu chỉ tay về phía ông Th hô hào đến chém ông Th. Khi nghe Qu hô hào, S cầm dao đi trước, Q đi sát theo sau và cùng tiến về phía ông Th.

Ông Th chạy vào trong sân nhà Số B8, trên tay cầm 01 (một) kéo dài khoảng 20cm; S và Q xông vào sân nhà Số B8, Q dùng tay đánh vào mặt và đầu ông Th; ông Th ôm vật và giằng co với Q; S dùng dao mang theo chém ông Th 01 (một) nhát trúng vào vùng cổ phải, gây chảy máu. Ông Th và Q tiếp tục giằng co với nhau ra tới cổng nhà Số B8, Q bị kéo trên tay ông Th cầm gây thương tích, chảy máu ở vùng cổ phải. Lúc này, anh T1 và anh B chờ nhau đến,

anh T1 lấy 01 (một) đoạn gỗ dài khoảng 02m (có ở gần đây) dùng can ngăn đẩy ông Th tách ra khỏi Q. Sau đó, anh T1 chở Q đi Bệnh viện, S, T và anh B bỏ đi; ông Th được người nhà đưa đi Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai cấp cứu và điều trị thương tích.

2. Giám định:

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0199/GĐPY/2018 ngày 02/4/2018 của Giám định viên thuộc Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, đã xác định ông Nguyễn Đức Th bị thương tích vùng cổ phải do vật sắc; cụ thể:

1/ Dấu hiệu chính qua giám định: Tổn thương đứt tĩnh mạch cảnh ngoài phải đã phẫu thuật khâu tĩnh mạch cảnh kết quả tốt (Áp dụng Chương 3, điều II, mục 2.2.1); tỷ lệ: 10%. Vết thương vùng cổ phải để lại sẹo kích thước 13x0,2cm (Áp dụng Chương 9, điều I, mục 1); tỷ lệ: 03%.

2/ Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: **13%** (mười ba phần trăm).

3/ Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật sắc.

Đối với việc Nguyễn Ngọc Q bị thương tích trong lúc ôm vật giăng co với ông Th. Do thương tích nhẹ, Q từ chối giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường.

3. Về vật chứng:

- 01 (một) dao dài khoảng 01m (lưỡi dao dài khoảng 40-50cm, rộng khoảng 05cm; cán dao bằng gỗ dài khoảng 50-60cm), S sử dụng gây thương tích cho ông Th; sau khi gây án, S đã vứt bỏ, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng không thấy.

- 01 (một) xe mô tô biển số 60V7-23XX của S; sau khi gây án, S đã bán (không rõ lai lịch, địa chỉ người mua) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

- 01 (một) xe mô tô biển số 60N8-86XX của chị Nguyễn Thị Phương Tr (chị gái Nguyễn Ngọc Q) cho Q mượn. Chị Tr không biết Q sử dụng đi gây án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ.

4. Về dân sự:

Trong quá trình điều tra, S, Q và Qu đã liên đới bồi thường cho ông Th với tổng số tiền: 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Ông Th không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

5. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 241/2019/HS-ST ngày 30-5-2019 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 58/2019/TB-TA ngày 04-6-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, đã quyết định như sau:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Qu, Bùi Trần Minh S và Nguyễn Ngọc Q phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bùi Trần Minh S 03 (ba) năm tù; Nguyễn Văn Qu 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù và Nguyễn Ngọc Q 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

6. Kháng cáo:

Ngày 31-5-2019, bị cáo Nguyễn Ngọc Q kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

7. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo; tại cấp phúc thẩm, mặc dù bị cáo cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ mới; tuy nhiên, mức án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và áp dụng pháp luật:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo Q có hành vi cùng với các đồng phạm khác, dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ, xâm phạm đến sức khỏe của

người khác với thương tích 13%.

Về hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo xảy ra ngày 03/12/2017, theo quy định tại điểm a, i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc Q có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù; quy định này có lợi hơn cho bị cáo so với quy định tại điểm a, i khoản 1, 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, có khung hình phạt từ hai năm đến bảy năm tù. Do đó, áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số: 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số: 12/2017/QH14; để giải quyết vụ án có lợi cho bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và phù hợp pháp luật; tuy nhiên, việc không nhận định để áp dụng pháp luật như đã nêu trên là không phù hợp; do đó, sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Cấp sơ thẩm xác định: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện cùng với các bị cáo khác bồi thường thiệt hại; được bị hại làm đơn “bãi nại” và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; thuộc các trường hợp được quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Cấp phúc thẩm: Bị cáo cung cấp các tài liệu, thể hiện bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình và phải chăm sóc cha mẹ già, đơn được Ủy ban nhân dân phường T xác nhận, kèm theo đơn có hợp đồng lao động của bị cáo và hồ sơ bệnh án của cha mẹ bị cáo. Người làm chứng ông Nguyễn Đình T1 có đơn trình bày về việc ăn năn hối cải và hoàn cảnh gia đình khó khăn của bị cáo. Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết này và áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo.

2.3. Về hình phạt:

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Ngọc Q tham gia với vai trò thứ yếu, không trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm và bản thân cũng

bị bị hại gây thương tích. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm một số tình tiết mới nêu trên; do đó, xem xét chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Đối với phần trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận phần phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc Q;

Sửa một phần về áp dụng pháp luật và hình phạt đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 241/2019/HS-ST ngày 30-5-2019 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 58/2019/TB-TA ngày 04-6-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

1. Hình phạt:

Áp dụng điểm a, i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q (tên gọi khác: Qu) 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; thời hạn tù được tính từ ngày người bị kết án vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo khác và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đường sự (địa chỉ theo hồ sơ);
- Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành